



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên
	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 18 tháng 8 năm 2016)
Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)	

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tân Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh	Trưởng ban (từ ngày 29 tháng 11 năm 2016)
	Bà Phạm Hoàng Yến	Trưởng ban (từ ngày 7 tháng 5 năm 2016 đến ngày 19 tháng 11 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng ban (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)	

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-268/2016A




Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.633.288.235.809	7.264.438.888.490
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.532.279.347.669	864.823.486.140
Tiền	111		163.224.240.021	578.823.486.140
Các khoản tương đương tiền	112		1.369.055.107.648	286.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		493.109.144.438	894.002.745.737
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(10.045.101.535)	(8.378.460.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	488.343.136.562	887.570.096.326
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.323.538.429.976	1.114.455.345.950
Phải thu của khách hàng	131	7	1.133.057.069.435	1.024.840.613.115
Trả trước cho người bán	132		55.689.695.377	24.453.712.846
Phải thu về cho vay	135	8	54.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	82.755.204.701	67.124.559.526
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(1.963.539.537)	(1.963.539.537)
Hàng tồn kho	140	11	3.220.430.550.915	4.312.733.437.709
Hàng tồn kho	141		3.248.000.296.472	4.353.040.535.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.569.745.557)	(40.307.098.016)
Tài sản ngắn hạn khác	150		63.930.762.811	78.423.872.954
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	1.504.521.290	1.702.953.528
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.226.993.880	51.481.759.271
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	18(b)	24.199.247.641	25.239.160.155

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.556.527.182.793	1.960.709.044.784
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.679.129.385	240.968.677.481
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	14.679.129.385	240.968.677.481
Tài sản cố định	220		1.155.868.294.915	1.315.798.837.474
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.012.399.861.022	1.166.508.919.101
<i>Nguyên giá</i>	222		2.023.290.962.863	2.001.193.042.633
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.010.891.101.841)	(834.684.123.532)
Tài sản cố định vô hình	227	13	143.468.433.893	149.289.918.373
<i>Nguyên giá</i>	228		160.022.278.537	161.463.696.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(16.553.844.644)	(12.173.778.307)
Tài sản dở dang dài hạn	240		160.575.227.654	145.000.706.037
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	160.575.227.654	145.000.706.037
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6(c)	108.900.000.000	114.271.100.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		101.900.000.000	107.271.100.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		116.504.530.839	144.669.723.792
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	83.453.964.843	99.156.557.781
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	28.674.630.610	38.048.334.925
Lợi thế thương mại	269	17	4.375.935.386	7.464.831.086
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.189.815.418.602	9.225.147.933.274

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.896.844.057.892	6.981.587.955.942
Nợ ngắn hạn	310		2.353.310.726.812	2.941.719.921.692
Phải trả người bán	311		291.573.675.393	185.066.153.541
Người mua trả tiền trước	312		8.632.646.619	15.504.424.887
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	18(a)	2.849.276.515	17.331.488.346
Phải trả người lao động	314		89.621.450.872	63.684.615.987
Chi phí phải trả	315	19	679.624.807	124.043.225.171
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	83.943.363.138	62.164.819.324
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.822.624.002.211	2.385.554.124.520
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	24	53.386.687.257	88.371.069.916
Nợ dài hạn	330		3.543.533.331.080	4.039.868.034.250
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	39.038.252.385	39.038.252.385
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	6.776.856.000	4.216.856.000
Trái phiếu	338	22(b)	3.475.916.666.679	3.968.916.666.671
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	19.394.426.038	24.958.626.502
Dự phòng dài hạn	342	23	2.407.129.978	2.737.632.692
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.292.971.360.710	2.243.559.977.332
Vốn chủ sở hữu	410	25	2.292.971.360.710	2.243.559.977.332
Vốn cổ phần	411	26	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	26	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		126.455.519.008	115.856.340.820
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	32.244.098.097	74.079.253.264
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		845.897.804.857	774.411.832.544
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		490.659.160.373	481.497.772.329
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.189.815.418.602	9.225.147.933.274

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	12.064.285.911.553	12.472.342.348.524
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	90.872.371.891	185.717.938.569
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	11.973.413.539.662	12.286.624.409.955
Giá vốn hàng bán	11	30	10.990.617.465.233	11.214.768.939.264
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		982.796.074.429	1.071.855.470.691
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	141.658.188.222	270.405.669.954
Chi phí tài chính	22	32	310.702.276.587	440.583.234.855
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>218.817.940.952</i>	<i>217.114.918.977</i>
Chi phí bán hàng	25	33	638.209.772.205	729.270.070.995
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	150.800.562.576	164.667.684.883
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		24.741.651.283	7.740.149.912
Thu nhập khác	31	35	78.709.686.820	20.918.014.777
Chi phí khác	32	36	2.571.621.875	16.521.947.296
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		76.138.064.945	4.396.067.481
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		100.879.716.228	12.136.217.393
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	15.179.111.523	56.579.654.603
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	38	3.809.503.851	(37.497.549.845)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		81.891.100.854	(6.945.887.365)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (được chuyển từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		81.891.100.854	(6.945.887.365)
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		72.084.426.856	32.446.203.539
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.806.673.998	(39.392.090.904)
Lãi trên cổ phiếu	70	39	1.053	474

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	100.879.716.228	12.136.217.393
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	186.666.565.275	173.820.736.920
Các khoản dự phòng	03	(11.341.610.924)	6.394.478.025
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.189.174.677)	(4.721.155.911)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(302.901.481)	(3.085.100.834)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05	(174.449.010)	-
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05	830.681.061	3.913.827.619
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(97.259.779.492)	(99.636.721.086)
Lãi từ thanh lý công ty con	05	-	(94.558.760.422)
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	225.817.940.960	221.031.585.648
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	398.926.987.940	215.295.107.352
Biến động các khoản phải thu	09	66.166.131.696	(106.160.210.466)
Biến động hàng tồn kho	10	1.120.736.967.018	191.437.939.783
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.350.370.649	(81.837.676.116)
Biến động chi phí trả trước	12	4.392.697.952	6.198.166.701
		1.595.573.155.255	224.933.327.254
Tiền lãi vay đã trả	14	(217.522.188.108)	(195.424.163.860)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.168.442.631)	(69.238.625.918)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(77.417.992.369)	(23.141.286.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	1.267.464.532.147	(62.870.749.037)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(22.939.730.803)	(147.619.628.310)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.712.727.272	5.688.207.167
Tiền chi cho công ty liên kết vay	23	(54.000.000.000)	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(819.704.996.315)	(782.500.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24	1.219.000.000.000	1.591.706.666.409
Tiền thu từ cho người lao động vay	24	1.538.400.000	-
Tiền chi đầu tư vào công ty liên kết	25	-	(5.371.100.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	98.585.523.054	138.639.225.723
Tiền thu từ thanh lý công ty con	28	33.000.000.000	123.370.911.222
Tiền thu từ thanh lý công ty liên kết	28	7.009.600.000	-
Tiền thuần mua công ty con	29	-	(3.260.046.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	464.201.523.208	920.654.235.636
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	-	100.000.000
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33	9.811.194.654.378	14.211.998.708.364
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.887.460.095.024)	(14.255.869.883.785)
Tiền chi cho việc phát hành trái phiếu	34	-	(35.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	35	(2.518.284.673)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.078.783.725.319)	(78.771.175.421)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

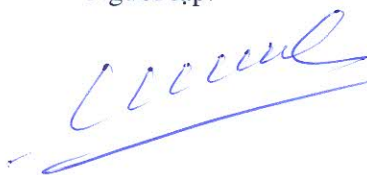
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		652.882.330.036	779.012.311.178
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		864.823.486.140	82.925.910.682
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		14.573.531.493	2.885.264.280
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.532.279.347.669	864.823.486.140

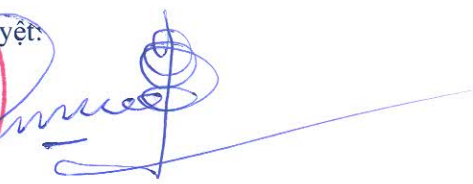
Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, như được liệt kê trong phần (d) dưới đây, (gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 12 công ty con (1/1/2016: 11 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	67,5%	67,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,5%	97,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100%	100%
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (*)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100%	-
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	83,72%	83,72%

(*) Ngày 23 tháng 3 năm 2016, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 233/HDQT.MPC.16, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú, tại tỉnh Hậu Giang, Việt Nam với vốn pháp định được duyệt là 40.800.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd được đăng ký thành lập ở Nhật. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập ở Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty liên kết) chi tiết trong thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 12.477 nhân viên (1/1/2016: 12.956 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác, mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Bộ phận kinh doanh khác

<i>Cho năm kết thúc ngày</i> 31 tháng 12 năm 2016	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.184.655.500	6.726.430.481.717	5.201.974.245.143	41.824.157.302	-	11.973.413.539.662
Doanh thu giữa các bộ phận	87.002.428.525	7.426.525.801.469	373.830.318.778	82.098.953.380	(7.969.457.502.152)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	90.187.084.025	14.152.956.283.186	5.575.804.563.921	123.923.110.682	(7.969.457.502.152)	11.973.413.539.662
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(84.190.945.350)	342.603.720.568	(50.622.386.501)	(765.016.713)	(13.239.632.356)	193.785.739.648
Doanh thu hoạt động tài chính						141.658.188.222
Chi phí tài chính						(310.702.276.587)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						24.741.651.283
Thu nhập khác						78.709.686.820
Chi phí khác						(2.571.621.875)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.988.615.374)
Lợi nhuận thuần sau thuế						81.891.100.854

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	148.796.000	6.569.636.735.651	5.668.382.008.718	48.456.869.586	-	12.286.624.409.955
Doanh thu giữa các bộ phận	47.420.647.457	8.089.929.364.666	51.602.249.994	97.877.370.570	(8.286.829.632.687)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	47.569.443.457	14.659.566.100.317	5.719.984.258.712	146.334.240.156	(8.286.829.632.687)	12.286.624.409.955
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(75.353.492.545)	185.774.980.638	52.240.868.080	7.322.468.962	7.932.889.678	177.917.714.813
Doanh thu hoạt động tài chính						270.405.669.954
Chi phí tài chính						(440.583.234.855)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						7.740.149.912
Thu nhập khác						20.918.014.777
Chi phí khác						(16.521.947.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(19.082.104.758)
Lỗ thuần sau thuế						(6.945.887.365)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	224.960.483.892	6.813.066.349.168	2.054.836.878.215	146.016.590.052	(1.729.904.597.096)	7.508.975.704.231
Đầu tư vào công ty liên kết						108.900.000.000
Tài sản không phân bổ						571.939.714.371
Tổng tài sản						8.189.815.418.602
Nợ phải trả của bộ phận						5.866.246.380.755
Nợ phải trả không phân bổ						30.597.677.137
Tổng nợ phải trả						5.896.844.057.892
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Chi tiêu vốn	581.023.267	22.105.531.536	-	253.176.000	-	22.939.730.803
Khấu hao và phân bổ	20.759.798.994	157.908.674.041	318.038.975	4.591.157.565	3.088.895.700	186.666.565.275

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	281.974.726.408	7.283.134.202.193	1.849.825.944.332	129.427.067.667	(1.387.056.879.992)	8.157.305.060.608
Đầu tư vào công ty liên kết						107.271.100.000
Tài sản không phân bổ						960.571.772.666
Tổng tài sản						9.225.147.933.274
Nợ phải trả của bộ phận						6.928.831.801.649
Nợ phải trả không phân bổ						52.756.154.293
Tổng nợ phải trả						6.981.587.955.942
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Chi tiêu vốn	590.114.344	136.309.217.485	-	10.720.296.481	-	147.619.628.310
Khấu hao và phân bổ	21.346.462.595	144.312.036.804	321.880.284	4.751.461.537	3.088.895.700	173.820.736.920

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Bộ phận chia theo vùng địa lý	
	2016	2015
	VND	VND
Việt Nam	69.768.129.691	56.476.139.162
Bắc Mỹ	5.924.015.256.229	6.455.139.704.585
Châu Âu	1.027.955.917.877	1.197.938.353.329
Nhật Bản	2.484.827.426.704	2.271.946.185.690
Hàn Quốc	890.885.706.045	706.027.891.108
Vùng địa lý khác	1.575.961.103.116	1.599.096.136.081
	11.973.413.539.662	12.286.624.409.955

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Việt Nam	6.456.274.478.810	7.551.260.469.265
Bắc Mỹ	1.730.334.403.312	1.673.887.464.009
Nhật Bản	3.206.536.480	-
	8.189.815.418.602	9.225.147.933.274

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.272.364.100	4.117.069.597
Tiền gửi ngân hàng	157.951.875.921	574.706.416.543
Các khoản tương đương tiền	1.369.055.107.648	286.000.000.000
	1.532.279.347.669	864.823.486.140

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư cổ phiếu ngân hàng:								
▪ Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	171.578	6.004.500.000	1.990.304.800	(4.155.995.200)	141.800	6.004.500.000	952.000.000	(4.359.160.000)
▪ Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.311.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.446.360.000	(4.019.300.000)
▪ Công ty cổ phần cơ điện lạnh	19	80.000	468.350	-	8	80.000	201.600	-
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	449.681.470	-	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	2.070.121.900	(1.578.106.335)	125.882	3.270.588.235	2.265.876.000	-
		14.811.109.411	5.462.576.520	(10.045.101.535)		14.811.109.411	5.114.119.070	(8.378.460.000)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.378.460.000	8.378.460.000
Tăng dự phòng trong năm	1.666.641.535	-
	10.045.101.535	8.378.460.000

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	488.343.136.562	887.570.096.326

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,5% đến 7,6% trong năm (2015: từ 5,0% đến 7,0% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào của Công ty (1/1/2016: 687.070 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Công ty TNHH Minh Phú Aquamekong Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(**)	-
	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(**)	-
			101.900.000.000		-

Các công ty khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(**)	-
			108.900.000.000		-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2016

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Công ty TNHH Mekong Logistic
 Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
- Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam (*)
 Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(**)	-
	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(**)	-
	23,6%	35,0%	5.371.100.000	(**)	-
			107.271.100.000		-

Các công ty khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau
 Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

7.000.000.000

(**)

-

114.271.100.000

Các công ty liên kết của Tập đoàn vẫn trong giai đoạn chuẩn bị hoạt động tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016.

(*) Vào ngày 25 tháng 8 năm 2016, theo biên bản cuộc họp số 01/2016/QĐ-MPHG, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã quyết định đầu tư thêm vốn vào Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam một khoản tương đương 1.638.500.000 VND bằng quyền sở hữu đất của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (Thuyết minh 13) và ghi nhận khoản lãi tương đương 174.449.010 VND từ đánh giá lại từ tài sản cố định vô hình góp vốn vào một công ty liên kết (Thuyết minh 35). Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang nắm giữ 45,68% vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2016, theo biên bản số 01/2016/QĐ-MPHG, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã quyết định thanh lý toàn bộ vốn trong Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam, một công ty liên kết, cho một bên thứ ba với giá 7.009.600.000 VND và khoản này được thu hoàn toàn bằng tiền. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang và Tập đoàn không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Censea Inc.	182.288.366.943	208.362.590.678
H.T.Foods Pvt Ltd	127.870.426.591	53.996.760.888
Aqua Star	114.641.990.962	70.924.758.400
Kailis Bros PTY Ltd	81.337.335.851	133.140.037.118
Các khách hàng khác	626.918.949.088	558.416.466.031
	1.133.057.069.435	1.024.840.613.115

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500
	2.058.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi theo yêu cầu.

Phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 834.148 triệu VND (1/1/2016: 454.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

8. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho Công ty TNHH Mekong Logistic vay, một công ty liên kết. Khoản vay này không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: Không) và có thể thu được trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi phải thu	12.730.117.356	14.055.860.918
Phải thu từ thanh lý công ty con	-	33.000.000.000
Cho người lao động vay (*)	2.761.961.909	4.300.361.909
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	3.644.866.628	2.383.050.863
Tạm ứng cho nhân viên	2.776.993.012	2.116.731.258
Ký quỹ ngắn hạn (**)	53.711.852.950	-
Khác	7.129.412.846	11.268.554.578
	82.755.204.701	67.124.559.526

(*) Khoản này phản ánh khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(**) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản ký gửi tại ngân hàng nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ này không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng một năm.

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thuế chống bán phá giá (*)	7.372.620.807	240.968.677.481
Tạm ứng cho người nuôi tôm (**)	7.306.508.578	-
	14.679.129.385	240.968.677.481

(*) Khoản này phản ánh khoản trả trước thuế chống bán phá giá. Trước ngày 18 tháng 7 năm 2016, theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), là một công ty con chuyên nhập khẩu tôm từ Tập đoàn vào Hoa Kỳ, phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định rà soát hành chính thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Ngày 18 tháng 7 năm 2016, DOC đã ban hành quyết định nhằm thực thi thỏa thuận song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam nhằm giải quyết tranh chấp về vụ kiện chống bán phá giá tôm tại Tổ chức Thương mại Thế giới. Theo đó, Tập đoàn sẽ được dỡ bỏ lệnh áp thuế chống bán phá giá kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2016. Thêm vào đó, các vấn đề liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá đã được giải quyết, khoản trả trước thuế chống bán phá giá đã được hoàn trả cho Tập đoàn.

(**) Khoản này phản ánh tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không hưởng lãi và có thể thu được trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016		1/1/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	3 – 4 năm	982.302.147	-	982.302.147	-	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến Thủy sản Mỏ Ó Sóc Trăng	3 – 4 năm	771.913.390	-	771.913.390	-	771.913.390
Công ty TNHH Thanh Bình	3 – 4 năm	209.324.000	-	209.324.000	-	209.324.000
		1.963.539.537	-	1.963.539.537	-	1.963.539.537

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

1.963.539.537

1.963.539.537

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	78.104.217.404	-	23.689.618.439	-
Nguyên vật liệu	98.875.014.292	-	120.548.459.934	-
Công cụ và dụng cụ	5.662.179.015	-	6.436.274.665	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.175.086.812	-	68.155.627.012	-
Thành phẩm	3.030.183.798.949	(27.569.745.557)	4.134.210.555.675	(40.307.098.016)
	<u>3.248.000.296.472</u>	<u>(27.569.745.557)</u>	<u>4.353.040.535.725</u>	<u>(40.307.098.016)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	40.307.098.016	33.124.519.437
Tăng dự phòng trong năm	1.401.557.628	46.356.949.014
Hoàn nhập	(14.409.810.087)	(39.962.470.989)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	270.900.000	788.100.554
Số dư cuối năm	<u>27.569.745.557</u>	<u>40.307.098.016</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.292.304 triệu VND (1/1/2016: 3.292.565 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 384.603 triệu VND (1/1/2016: 841.226 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	730.633.809.720	1.096.288.639.494	154.184.169.783	20.086.423.636	2.001.193.042.633
Tăng trong năm	925.028.075	21.748.395.914	2.111.532.883	461.960.880	25.246.917.752
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	952.785.455	-	-	-	952.785.455
Thanh lý	-	(409.157.736)	(3.867.910.182)	-	(4.277.067.918)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	166.635.104	-	-	8.649.837	175.284.941
Số dư cuối năm	732.678.258.354	1.117.627.877.672	152.427.792.484	20.557.034.353	2.023.290.962.863
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	217.024.646.153	534.546.614.746	72.599.800.674	10.513.061.959	834.684.123.532
Khấu hao trong năm	51.091.645.274	109.359.311.215	16.380.523.526	2.191.674.213	179.023.154.228
Thanh lý	-	(409.157.736)	(2.458.084.391)	-	(2.867.242.127)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	42.416.371	-	-	8.649.837	51.066.208
Số dư cuối năm	268.158.707.798	643.496.768.225	86.522.239.809	12.713.386.009	1.010.891.101.841
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	513.609.163.567	561.742.024.748	81.584.369.109	9.573.361.677	1.166.508.919.101
Số dư cuối năm	464.519.550.556	474.131.109.447	65.905.552.675	7.843.648.344	1.012.399.861.022

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 171.070 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 121.328 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 517.453 triệu VND (1/1/2016: 615.262 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	18.751.494.650	112.561.925.700	30.150.276.330	161.463.696.680
Chuyển sang đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 6(c))	-	(1.638.500.000)	-	(1.638.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	197.081.857	-	-	197.081.857
Số dư cuối năm	18.948.576.507	110.923.425.700	30.150.276.330	160.022.278.537
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	9.893.130.579	2.280.647.728	12.173.778.307
Khấu hao trong năm	-	2.223.223.722	2.331.291.625	4.554.515.347
Chuyển sang đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 6(c))	-	(174.449.010)	-	(174.449.010)
Số dư cuối năm	-	11.941.905.291	4.611.939.353	16.553.844.644
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18.751.494.650	102.668.795.121	27.869.628.602	149.289.918.373
Số dư cuối năm	18.948.576.507	98.981.520.409	25.538.336.977	143.468.433.893

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 3.016 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.742 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 98.323 triệu VND (1/1/2016: 286.845 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	145.000.706.037	250.025.933.670
Tăng trong năm	5.849.660.909	44.182.078.821
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	9.413.893.104
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(952.785.455)	(66.869.651.869)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(26.629.341.500)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	11.508.327.224	(5.655.505.681)
Xóa sổ	(830.681.061)	(3.913.827.619)
Bán một công ty con	-	(55.552.872.889)
	160.575.227.654	145.000.706.037

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nhà cửa	46.277.428.222	32.972.225.543
Quyền sử dụng đất	96.921.187.244	97.360.504.552
Máy móc	6.660.994.364	3.560.994.364
Các công trình khác	10.715.617.824	11.106.981.578
	160.575.227.654	145.000.706.037

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	1.504.521.290	1.702.953.528

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Tổng
	trả trước	dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	48.800.936.169	50.355.621.612	99.156.557.781
Tăng trong năm	-	24.990.819.686	24.990.819.686
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(11.508.327.224)	(11.508.327.224)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(615.580.072)	(615.580.072)
Phân bổ trong năm	(3.159.290.950)	(25.410.214.378)	(28.569.505.328)
Số dư cuối năm	45.641.645.219	37.812.319.624	83.453.964.843

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 54 triệu VND (1/1/2016: 1.357 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	10.615.753.450	19.989.457.765
Các khoản dự phòng	29.439.883	29.439.883
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	8.588.415.525	8.588.415.525
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	9.441.021.752	9.441.021.752
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.674.630.610	38.048.334.925
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	(17.801.645.998)	(24.762.347.389)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.592.780.040)	(196.279.113)
	<hr/>	<hr/>
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(19.394.426.038)	(24.958.626.502)
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	9.280.204.572	13.089.708.423

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	23.424.125.914
Khấu hao trong năm	3.088.895.700
	<hr/>
Số dư cuối năm	26.513.021.614
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	7.464.831.086
Số dư cuối năm	4.375.935.386
	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	469.721.555	9.732.429.573	(9.315.085.052)	-	-	887.066.076
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.614.160.734	(7.544.672.452)	(8.061.211.387)	(439.835)	7.837.060
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.590.600.974	15.179.111.523	(21.632.853.922)	(8.008.756.317)	33.585.666	1.161.687.924
Thuế thu nhập cá nhân	1.270.715.817	7.542.266.506	(8.021.736.868)	-	-	791.245.455
Thuế khác	450.000	180.274.440	(179.284.440)	-	-	1.440.000
	17.331.488.346	48.248.242.776	(46.693.632.734)	(16.069.967.704)	33.145.831	2.849.276.515

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Cán trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	14.866.929.847	11.535.588.709	-	(8.008.756.317)	18.393.762.239
Thuế xuất nhập khẩu	9.811.447.027	4.999.430.840	(1.537.775.614)	(8.061.211.387)	5.211.890.866
Thuế thu nhập cá nhân	560.783.281	50.995.612	(18.184.357)	-	593.594.536
	25.239.160.155	16.586.015.161	(1.555.959.971)	(16.069.967.704)	24.199.247.641

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013	-	83.969.328.994
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 1 năm 2014	-	37.994.001.633
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	638.324.807	2.079.894.544
Lương và thưởng	41.300.000	-
	<hr/>	<hr/>
	679.624.807	124.043.225.171

Thuế chống bán phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2014 được ghi nhận trực tiếp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tại ngày 18 tháng 7 năm 2016, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”) quyết định hủy bỏ rà soát thuế chống bán phá giá đối với tôm đông lạnh của Tập đoàn và khoản thuế chống bán phá giá cho các giai đoạn trước đã được xác định. Do đó, Tập đoàn không có nghĩa vụ trích trước khoản thuế chống bán phá giá phải trả kể từ thời điểm này.

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn phản ánh khoản lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay phải trả	29.093.280.635	27.797.527.791
Cổ tức phải trả	3.659.368.300	4.379.739.291
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	6.446.980.635	3.678.815.570
Tiền thuê đất phải trả	3.717.279.272	4.058.505.504
Tạm ứng từ một bên thứ ba (*)	31.514.421.500	7.140.634.883
Ký quỹ ngắn hạn nhận được	-	7.524.694.852
Hoa hồng phải trả	-	708.008.981
Phải trả khác	9.512.032.796	6.876.892.452
	83.943.363.138	62.164.819.324

(*) Khoản này phản ánh tạm ứng tiền mặt nhận được từ một bên thứ ba theo thỏa thuận hợp tác liên doanh ngày 12 tháng 8 năm 2015 để nuôi trồng và kinh doanh thủy sản.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	6.776.856.000	4.216.856.000

Các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong năm	31/12/2016
	Giá trị ghi số/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi số/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.385.554.124.520	9.811.194.654.378 (10.387.460.095.024)	1.822.624.002.211

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	5,0%	-	764.100.136.557
Khoản vay 2	VND	5,0%	-	18.370.579.932
Khoản vay 3	VND	5,0%	-	831.009.062.191
Khoản vay 4	USD	1,5%	599.337.540.834	-
Khoản vay 5	USD	1,5%	509.452.670.714	-
Khoản vay 6	USD	1,5%	10.505.069.491	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	4,7% - 5,0%	-	312.221.609.610
Khoản vay 2	VND	4,7% - 5,0%	198.929.054.610	115.544.370.180
Khoản vay 3	USD	1,5% - 1,8%	320.099.032.139	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	4,7% - 5,0%	-	315.300.918.770
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				
Khoản vay 1	VND	5,0%	-	29.007.447.280
Khoản vay 2	USD	1,5%	48.071.657.197	-
	USD	1,5%	82.764.127.226	-
Ngân hàng Citibank – Bắc Mỹ				
Khoản vay 1 (*)	USD	0%	53.464.850.000	-
			1.822.624.002.211	2.385.554.124.520

(*) Khoản này thể hiện khoản vay ngân hàng nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa của Mseafod Corporation – một công ty con, khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi và chịu phí mở thư tín dụng thương mại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi có kỳ hạn) (Thuyết minh 6(b))	-	678.070.096.326
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	495.810.528.720	212.776.000.238
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	2.094.520.965.407	1.986.749.874.765
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	349.858.300.478	335.907.164.351
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	50.551.324.627	2.175.874.192
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))	54.353.333	1.356.937.172
	2.990.795.472.565	3.217.035.947.044

(b) Trái phiếu

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lô 1	VND	9,65%	2017	-	500.000.000.000
Lô 2 (*)	VND	7,50%	2020	2.482.916.666.673	2.477.916.666.669
Lô 3 (**)	VND	7,50%	2020	993.000.000.006	991.000.000.002
				3.475.916.666.679	3.968.916.666.671

(*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 514.250 triệu VND (1/1/2016: 514.250 triệu VND) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(**) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 3 tháng 7 năm 2015 và không chuyển đổi. Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	338.338.108.718	241.697.077.566
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	1.197.782.965.407	1.305.814.882.463
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	167.594.333.992	279.354.841.532
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	47.772.000.000	84.668.789.694
	1.751.487.408.117	1.911.535.591.255

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 3 tháng 7 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

23. Dự phòng dài hạn

Dự phòng dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc	
	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.737.632.692	3.054.294.804
Dự phòng sử dụng trong năm	(330.502.714)	(316.662.112)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.407.129.978	2.737.632.692
	<hr/>	<hr/>

24. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	88.371.069.916	69.295.144.089
Trích lập trong năm	-	27.101.848.228
Sử dụng trong năm	(34.984.382.659)	(8.025.922.401)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	53.386.687.257	88.371.069.916
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	98.893.770.789	47.138.548.094	843.274.384.403	488.198.004.221	2.275.219.485.882
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	32.446.203.539	(39.392.090.904)	(6.945.887.365)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	41.739.407.170	(41.739.407.170)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(27.101.848.228)	-	(27.101.848.228)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.760.370.991)	(1.760.370.991)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	16.962.570.031	(14.798.702.000)	-	-	(14.798.702.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	1.884.730.003	18.847.300.034
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(32.467.500.000)	32.467.500.000	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	72.084.426.856	9.806.673.998	81.891.100.854
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	598.454.543	(598.454.543)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.797.913.682)	(1.797.913.682)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(42.433.609.710)	-	-	(42.433.609.710)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	10.599.178.188	-	-	1.152.627.728	11.751.805.916
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	126.455.519.008	32.244.098.097	845.897.804.857	490.659.160.373	2.292.971.360.710

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.852.338.114	4.843.200.084
Trong vòng hai đến năm năm	9.773.894.066	11.923.125.147
	17.626.232.180	16.766.325.231

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.255.908	96.825.836.897	23.982.647	540.568.762.313
JPY	243.756.401	47.776.254.596	91.665.403	17.049.765.702
		144.602.091.493		557.618.528.015

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	82.654.668.761	83.605.999.898

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	10.667.162.038.506	11.453.604.479.235
▪ Hàng hóa đã bán	1.369.679.644.247	990.279.764.142
▪ Phế liệu đã bán	22.919.432.379	22.189.834.008
▪ Doanh thu khác	4.524.796.421	6.268.271.139
	<hr/> 12.064.285.911.553	<hr/> 12.472.342.348.524
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.439.810.080)	(2.595.923.854)
▪ Hàng bán bị trả lại	(89.432.561.811)	(183.122.014.715)
	<hr/> (90.872.371.891)	<hr/> (185.717.938.569)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 11.973.413.539.662	<hr/> <hr/> 12.286.624.409.955

30. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn hàng bán	11.003.354.817.692	11.208.374.461.239
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.737.352.459)	6.394.478.025
	<hr/> 10.990.617.465.233	<hr/> 11.214.768.939.264

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	96.990.226.492	99.322.016.086
Cổ tức	269.553.000	314.705.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	37.354.509.507	69.980.091.413
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7.043.899.223	4.721.155.911
Lãi từ thanh lý công ty con	-	94.558.760.422
Doanh thu tài chính khác	-	1.508.941.122
	141.658.188.222	270.405.669.954

32. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	218.817.940.952	217.114.918.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	82.342.623.069	212.760.758.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	854.724.546	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	7.000.000.008	3.916.666.671
Dự phòng giảm giá trái phiếu kinh doanh	1.666.641.535	-
Chi phí tài chính khác	20.346.477	6.790.890.582
	310.702.276.587	440.583.234.855

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	42.937.773.237	29.600.769.655
Chi phí nguyên vật liệu	1.325.985.144	1.243.356.769
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.368.500.799	2.084.487.173
Chi phí khấu hao	785.187.457	695.180.772
Chi phí vận chuyển	254.174.972.822	291.403.910.068
Chi phí thuê kho	121.885.335.079	123.135.872.705
Phí hoa hồng	147.332.938.248	165.391.005.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.859.249.203	82.759.687.583
Phí kiểm tra hàng hóa	-	4.733.124.609
Chi phí khác	28.539.830.216	28.222.676.157
	638.209.772.205	729.270.070.995

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	65.849.580.759	77.972.163.911
Chi phí nguyên vật liệu	4.478.427.237	9.812.442.484
Dụng cụ văn phòng	465.488.732	426.547.681
Chi phí khấu hao	18.098.682.062	11.564.652.974
Phí và lệ phí	1.134.712.225	675.737.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.151.771.506	30.805.568.153
Phí ngân hàng	6.311.973.129	7.279.685.985
Chi phí khác	26.309.926.926	26.130.886.088
	150.800.562.576	164.667.684.883

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	336.319.577	3.085.100.834
Ghi giảm thuế chống bán phá giá	67.923.647.745	13.690.059.302
Tiền bồi thường nhận được	10.275.270.488	-
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vốn vào công ty liên kết	174.449.010	-
Thu nhập khác	-	4.142.854.641
	<hr/> 78.709.686.820	<hr/> 20.918.014.777

36. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	33.418.096	-
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	830.681.061	3.913.827.619
Các khoản phạt	1.000.000	4.962.608.385
Chi phí khác	1.706.522.718	7.645.511.292
	<hr/> 2.571.621.875	<hr/> 16.521.947.296

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	15.452.427.222.626	8.292.718.494.084
Chi phí nhân công và nhân viên	1.023.846.612.164	1.020.649.326.065
Chi phí khấu hao và phân bổ	186.666.565.275	173.820.736.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.664.931.363	746.564.546.633
Chi phí khác	278.754.655.321	570.564.938.105

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	14.904.703.403	62.341.078.548
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	274.408.120	(5.761.423.945)
	<hr/> 15.179.111.523	<hr/> 56.579.654.603
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	3.809.503.851	(37.497.549.845)
	<hr/> 18.988.615.374	<hr/> 19.082.104.758

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.879.716.228	12.136.217.393
Thuế theo thuế suất của Công ty	10.087.971.623	1.213.621.739
Chi phí không được khấu trừ thuế	648.727.603	2.728.235.732
Ưu đãi thuế	(8.535.656.155)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	9.519.807.464	4.217.119.922
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	6.993.356.719	16.684.551.310
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	274.408.120	(5.761.423.945)
	<hr/> 18.988.615.374	<hr/> 19.082.104.758

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận phản ánh lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Chuỗi cung ứng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% trong năm 2015 và sẽ giảm xuống là 20% trong năm 2016 do thay đổi của Luật Thuế thu nhập.

Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (“Ebisumo”)

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: tại mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (“Minh Phu Food”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phu Food có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	72.084.426.856	32.446.203.539

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	68.462.850	68.462.850
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	68.462.850	68.462.850

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong		
Bán hàng hóa	-	1.019.072.564
Công ty TNHH Mekong Logistic		
Góp vốn bằng tiền và tài sản	-	98.000.000.000
Khoản vay từ Tập đoàn	54.000.000.000	-
Dịch vụ đã cung cấp	2.590.410.240	-
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	1.829.200.255	2.259.261.422

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương thưởng và phụ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Lương thưởng và phụ cấp	16.724.398.094	14.791.310.960

41. Các giao dịch phi tiền tệ

	2016	2015
	VND	VND
Cán trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	-	8.949.440.014
Nguyên giá của tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán trong năm	8.156.847.858	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

42. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 12 tháng 1 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập một công ty con, Công ty Cổ phần Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú, trụ sở tại tỉnh Cà Mau. Công ty góp 25% cổ phần của đơn vị này, tương đương với 4,5 tỷ VND, Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú, một công ty con mà Công ty sở hữu 100% góp 19,44% cổ phần (3,5 tỷ VND) và Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú, một công ty con mà Công ty sở hữu 98,5% góp 5,56% cổ phần (1 tỷ VND). Các cổ đông còn lại là Ông Lê Văn Quang (44% cổ phần) và Bà Lê Thị Diệu Minh (5,56% cổ phần).

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú là nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc